

Bản án số: 89/2020/KDTM-ST
Ngày: 23-11-2020
V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê
tài chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Minh

2. Bà Đỗ Thị A

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2016/TLST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2016 về tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2020/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 194/2020/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cho thuê tài chính TNHH SMT (được đổi tên từ công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại cổ phần VN).

Địa chỉ: Tầng 20 tháp A, VinCom 191 phố B, phường H, quận T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Bùi Nguyễn Quỳnh N, sinh năm: 1984

Địa chỉ: 172/7 đường NTT, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số 05/QĐUQ-BAMC ngày 19/02/2020). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại XNK SB

Địa chỉ: 283/26 đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*

Ông Trương Ngọc L, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện H, tỉnh L

(Đại diện theo pháp luật). Có đơn xin vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty TNHH MTV TH

Địa chỉ: 138/32 ấp C, xã A, thành phố B, tỉnh Đ

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đào Quốc P, sinh năm: 1977

Địa chỉ: 138/32 ấp C, xã A, thành phố B, tỉnh Đ

(Đại diện theo pháp luật). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Công ty cho thuê tài chính TNHH SMT (công ty cho thuê tài chính) trình bày:*

Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng ĐTPT Việt Nam (được sáp nhập vào công ty thuê tài chính Ngân hàng TMCP ĐTPT Việt Nam ngày 29/7/2011, năm 2011 được đổi tên thành công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại cổ phần VN và nay đổi tên thành Công ty cho thuê tài chính TNHH SMT) có ký hợp đồng cho thuê tài chính số 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011 với bên thuê tài chính là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại XNK SB (công ty SB) với nội dung hợp đồng như sau:

- Tài sản cho thuê tài chính: 01 dây chuyền nghiền sàng đá 250 tấn/giờ, đã qua sử dụng.

- Tổng giá trị tài sản: 7.725.185.000 đồng.

- Công ty SB tham gia trả trước số tiền: 2.317.555.000 đồng (30% giá trị tài sản).

- Công ty SB tham gia ký cược số tiền: 772.518.500 đồng.

- Số tiền cho thuê: 5.407.630.000 đồng.

- Ngày nhận nợ: 29/01/2011.

- Thời gian thuê: 60 tháng.

- Lãi suất cho thuê ban đầu: 17,5%/năm (tương đương 1,458%/tháng) và được áp dụng trong 03 tháng đầu tiên. Từ tháng thứ 4 trở đi sẽ áp dụng lãi suất

thả nổi theo nguyên tắc lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiền gửi tổ chức có kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ công bố cộng 3.5% và được điều chỉnh 03 tháng/01 lần.

Đang trong thời hạn thực hiện hợp đồng thuê tài chính thì ngày 06/01/2014, Công ty cho thuê tài chính nhận được công văn số 02/2014/CV của Công ty TNHH MTV TH (công ty TH) đề nghị mua lại tài sản cho thuê tài chính của hợp đồng 009/2011/HĐCTTC là dây chuyền nghiền sàng đá 250 tấn/giờ. Đồng thời, ngày 07/01/2014 Công ty cho thuê tài chính tiếp tục nhận được công văn số 01/CV-ĐN của Công ty SB đề nghị Công ty cho thuê tài chính bán tài sản nêu trên cho Công ty TH do Công ty SB khai thác tài sản không hiệu quả và không bảo đảm được nguồn thu trả nợ cho Công ty cho thuê tài chính.

Ngày 27/02/2014, tại biên bản làm việc giữa Công ty cho thuê tài chính và Công ty SB, các bên đã thống nhất định giá bán tài sản tối thiểu là 03 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong thời gian Công ty cho thuê tài chính chưa có quyết định bằng văn bản đồng ý việc bán tài sản nêu trên thì Công ty SB đã bàn giao dây chuyền nghiền sàng đá 250 tấn/giờ cho Công ty TH, thu trực tiếp tiền bán tài sản từ Công ty TH là vi phạm khoản 12.6 Điều 12 của Hợp đồng cho thuê tài chính. Sau khi biết được sự việc, công ty cho thuê tài chính đã có công văn gửi công ty TH thông báo về việc mua bán tài sản cho thuê tài chính giữa công ty SB và công ty TH là không hợp pháp. Đồng thời, công ty cho thuê tài chính đã có công văn yêu cầu công ty SB cung cấp thông tin, địa điểm khai thác tài sản để công ty cho thuê tài chính kiểm tra tài sản cho thuê theo quy định nhưng công ty SB vẫn không thực hiện là vi phạm khoản 12.11 Điều 12 của Hợp đồng cho thuê tài chính.

Tuy nhiên, Công ty cho thuê tài chính đã tạo nhiều điều kiện để Công ty SB thanh toán số tiền đã thu từ Công ty TH. Nếu công ty SB thanh toán đủ số tiền ba tỷ đồng từ việc bán tài sản cho thuê thì Công ty cho thuê tài chính sẽ xuất hóa đơn và chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho công ty TH, nhưng cho đến nay Công ty SB chỉ mới thanh toán được 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng nên tài sản cho thuê là dây chuyền nghiền sàng đá 250 tấn/giờ vẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty cho thuê tài chính.

Trong thời gian thuê tài chính, Công ty SB thường xuyên thanh toán nợ thuê không đầy đủ và không đúng thời hạn là vi phạm khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng cho thuê tài chính, mặc dù Công ty cho thuê tài chính đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho Công ty SB thanh toán nợ thuê.

Do các vi phạm nêu trên, Công ty cho thuê tài chính ra quyết định số 424A/QĐ-BLC ngày 17/7/2015 về việc chấm dứt trước hạn hợp đồng cho thuê tài chính số 009/2011/HĐCTTC và quyết định số 0449A/QĐ-BLC ngày

27/7/2015 về việc thu hồi tài sản cho thuê là 01 dây chuyền nghiền sàng đá công suất 250 tấn/giờ. Nhưng đến nay Công ty SB không thực hiện bàn giao tài sản theo quy định, cố tình che dấu vị trí khai thác tài sản nên Công ty cho thuê tài chính vẫn chưa thu hồi được tài sản thuê tài chính nêu trên.

Do Công ty SB vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên Công ty cho thuê tài chính đã chuyển toàn bộ tiền nợ thành nợ quá hạn từ ngày 17/7/2015. Đồng thời, ngày 17/7/2015, Công ty cho thuê tài chính đã tiến hành trích thu tiền ký cược của hợp đồng 009/2011/HĐCTTC số tiền 772.518.500 đồng trừ vào nợ gốc của Công ty SB.

Tính đến ngày 23/11/2020, Công ty SB đã thanh toán tổng số tiền nợ gốc là: 3.253.486.462 (trong đó công ty SB trả nợ gốc theo kỳ là 280.967.962 đồng, 2.2 tỷ đồng tiền công ty SB bán máy cho công ty TH và 772.518.500 đồng tiền ký cược) và tiền lãi là: 698.439.613 đồng.

Như vậy, đến ngày 23/11/2020, công ty SB còn nợ nguyên đơn số tiền 6.802.422.094 đồng, trong đó bao gồm 2.154.143.538 đồng, lãi 4.648.278.556 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 1.403.325.077 đồng, lãi quá hạn: 3.244.953.479 đồng)

Trong qua trình khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu:

1. Công ty SB phải chịu trách nhiệm thanh toán ngay lập tức cho Công ty cho thuê tài chính số tiền là 6.802.422.094 đồng. Bao gồm 2.154.143.538 đồng, lãi 4.648.278.556 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 1.403.325.077 đồng, lãi quá hạn: 3.244.953.479 đồng).

2. Trường hợp, Công ty SB không thanh toán đầy đủ số tiền nói trên ngay cho Công ty cho thuê tài chính thì phải tự thu hồi bàn giao tài sản thuê tài chính để Công ty Cho thuê tài chính tiến hành bán thanh lý tài sản thu hồi công nợ theo quy định.

3. Sau khi bán tài sản và thu hồi công nợ, số tiền bán tài sản không đủ thanh toán chi phí thanh lý tài sản, số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày bán tài sản thì phần tiền nợ còn lại Công ty SB phải chịu trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính và phải chịu lãi theo lãi suất đã thỏa thuận tại HĐCTTC số 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Đồng thời với việc yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi, bị đơn còn phải trả lại cho Công ty cho thuê tài chính tài sản thuê tài chính là một dây chuyền nghiền sàng đá 250t/h để tiến hành bán và thu hồi nợ với tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu quy cách như sau:

- + 01 bộ bàn rung cấp liệu, ngựa; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: 1100x4500mm, Tole đáy 25mm, Tole Vách 20mm;
- + 01 bộ Sắt xi rung, lò xo; nước sản xuất: Việt Nam, tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I350, U160, U200;
- + 01 cái máng chính chứa 15m³; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Tole vách 12mm, chống mòn 10mm, U160, U140;
- + 01 cái máng phụ, cách chứa 20m³; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Tole vách 12mm, chống mòn 10mm, U160, U140;
- + 01 cái máy nghiền hàm 250T/h; nước sản xuất: Nhật Bản; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Độ mở 1050x750mm, khe xả 80mm=>200mm;
- + 01 cái sắt xi hàm nghiền; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I500;
- + 02 cái sắt xi cone 1300, 1370; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I600;
- + 01 cái máy nghiền cone thô 1300; nước sản xuất: Đài Loan; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Tiếp nhận đá vào lớn nhất 250mm, khe xả 25->100mm;
- + 01 cái Thùng bơm mỡ cone thô 1300; nước sản xuất: Đài Loan; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Chứa 500 lít;
- + 01 cái máy nghiền cone tinh 1370; nước sản xuất: Đài Loan; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Tiếp nhận đá vào lớn nhất 100mm, khe xả 13->40mm;
- + 01 cái thùng bơm mỡ cone tinh 1370; nước sản xuất: Đài Loan; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Chứa 500 lít;
- + 01 cái sàng phân loại đá 2 tầng (1800x5000mm) & sắt xi; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Tole vách 10mm, tole máng 8mm, chống mòn 6mm, I300, U160;
- + 01 cái sàng phân loại đá 3 tầng (2200x7000mm) & sắt xi; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Tole vách 10mm, tole máng 8mm, chống mòn 6mm, I300, U160;
- + 17 m cần băng tải B1000; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I200, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 16mm;
- + 12 m cần băng tải B1000; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I200, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 16mm;
- + 10 m cần băng tải B1000; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I200, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 16mm;
- +15 m cần băng tải B1000; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I200, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 16mm;

+ 15 m cần băng tải B1000; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I200, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 16mm;

+ 15 m cần băng tải B650; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I150, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 12mm;

+ 15 m cần băng tải B650; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I150, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 12mm;

+ 15 m cần băng tải B650; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I150, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 12mm;

+ 15 m cần băng tải B650; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I150, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 12mm;

+ 15 m cần băng tải B650; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I150, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 12mm;

+ 01 bộ động cơ điện toàn bộ + hệ thống điều khiển điện + dây điện; nước sản xuất: Đà Loan; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Đủ công suất cho máy.

- Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 12/7/2016 và biên bản hòa giải ngày 26/7/2016, người đại diện theo pháp luật của bị đơn tại thời điểm năm 2016 - Ông Đặng Thủy T trình bày:

Đúng là giữa Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng ĐTPT Việt Nam có ký hợp đồng cho thuê tài chính số 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011 với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại XNK SB với nội dung và điều khoản hợp đồng như nguyên đơn trình bày.

Thực hiện hợp đồng, Công ty SB đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 979.407.575 đồng (trong đó gốc là: 280.967.962 đồng, lãi là 698.439.613 đồng)

Do công ty SB khai thác tài sản thuê không hiệu quả nên giữa Công ty cho thuê tài chính và Công ty SB có định giá bán tài sản cho thuê tối thiểu là ba tỷ đồng. Được sự đồng ý của Công ty cho thuê tài chính, Công ty SB cũng đã bán dây chuyền nghiền sàng đá này cho Công ty TNHH MTV TH với giá ba tỷ đồng. Công ty SB đã nhận tiền và bàn giao dây chuyền nghiền sàng đá cho công ty TH. Sau khi bán tài sản, công ty SB đã thanh toán số tiền 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng cho Công ty cho thuê tài chính và số tiền này đã được trừ vào tiền nợ gốc. Do giữa Công ty SB và nguyên đơn không thống nhất được cách giải quyết vụ việc nên công ty SB đã không giao 800.000 đồng tiền bán tài sản còn lại cho nguyên đơn.

Tính đến ngày 26/7/2016 Công ty cho thuê tài chính yêu cầu công ty SB trả số tiền tổng cộng là 5.584.089.280 (Năm tỷ năm trăm tám mươi tư triệu

không trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi) đồng. (Bao gồm 2.154.143.538 đồng tiền gốc, lãi 3.429.945.742 đồng, lãi trong hạn: 1.403.325.052 đồng, lãi quá hạn: 2.026.620.690 đồng). Ông Đặng Thủy T, đại diện bị đơn cho rằng: Do máy nghiền đá hoạt động đã lâu, hư hỏng nhiều, công ty SB đã bỏ ra rất nhiều tiền để sửa chữa. Do mới sửa chữa nên mới bán được cho công ty TH giá ba tỷ đồng. Do tài sản cũng đã bán cho công ty TH nên đề nghị nguyên đơn không yêu cầu trả lại dây chuyền nghiền đá này. Công ty SB sẽ giao 800.000.000 đồng bán tài sản cho thuê còn lại trong tháng 9 năm 2016 và đề nghị trừ vào tiền gốc. Số tiền gốc còn lại là 1.354.143.538 đồng (sau khi trừ đi 800.000.000 đồng) công ty SB xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 10 năm 2016 cho đến khi hết nợ gốc, xin miễn trả toàn bộ tiền lãi vì công ty không còn khả năng thanh toán nợ.

Việc nguyên đơn cho rằng công ty SB vi phạm Khoản 12.11, Điều 12 theo hợp đồng số 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011: Không cung cấp thông tin về địa điểm khai thác tài sản để Công ty cho thuê tài chính kiểm tra tài sản thuê theo quy định là không đúng, Công ty SB có cung cấp thông tin việc bán tài sản thuê tài chính cho công ty TH. Việc bán tài sản thuê tài chính có được sự đồng ý của nguyên đơn. Chỉ từ sau khi bán cho công ty TH thì công ty TH mang tài sản đi đâu Công ty SB mới không biết nên không có thông tin mà thôi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, đầy đủ. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công ty TH đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn là Công ty cho thuê tài chính TNHH SMT (được đổi tên từ công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại cổ phần VN) và bị đơn là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại XNK SB là tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính. Xét thấy bị đơn có địa chỉ tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét văn bản ủy quyền số 05/QĐUQ-BAMC ngày 19/02/2020 của Công ty cho thuê tài chính TNHH SMT là ủy quyền hợp lệ, bà Bùi Nguyễn Quỳnh N có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ông Trương Ngọc L, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn - Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại XNK SB có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Xét thấy, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV TH vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty TNHH MTV TH.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét Hợp đồng cho thuê tài chính số: 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011 giữa công ty cho thuê tài chính II – Ngân hàng ĐPTT Việt Nam, nay được đổi tên thành Công ty cho thuê tài chính TNHH SMT có hình thức không trái với quy định của pháp luật về hình thức của hợp đồng và có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật về điều kiện cho thuê và thuê tài chính nên Hợp đồng cho thuê tài chính số: 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011 có hiệu lực kể từ ngày ký như Điều 16 của Hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

** Về yêu cầu trả tiền gốc:*

Tại Điều 4 Hợp đồng cho thuê tài chính số: 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011, giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận số tiền cho thuê tài chính là: 5.407.630.000 (năm tỷ, bốn trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm ba mươi nghìn) đồng.

Đối với số tiền ký quỹ 772.518.500 đồng, tại khoản 2 Điều 360 của Bộ luật dân sự 2005 quy định: *“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên có quyền được ngân hàng nơi ký quỹ thanh toán...”*. Như vậy, việc nguyên đơn đã tiến hành các thủ tục trích thu tiền ký quỹ và trừ vào nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận bị đơn đã thanh toán số tiền nợ gốc là: 3.253.486.462 đồng (trong đó công ty SB trả nợ gốc theo kỳ là 280.967.962 đồng, số tiền công ty SB bán tài sản thuê tài chính cho công ty TH là 2.200.000.000 đồng đã được trừ vào nợ gốc và 772.518.500 đồng số tiền công ty SB đã ký quỹ). Tại biên bản hòa giải ngày 26/7/2016, ông Đặng Thủy T, là người đại diện theo pháp luật của công ty SB cam kết trả số tiền 800.000.000 đồng còn lại của việc bán tài sản cho thuê cho nguyên đơn vào tháng 9 năm 2016 và đề nghị trừ vào tiền gốc. Số tiền gốc còn lại là 1.354.143.538 đồng tiền gốc (sau khi trừ đi 800.000.000 đồng) công ty SB xin trả mỗi tháng 10.000.000

đồng, bắt đầu từ tháng 10 năm 2016 cho đến khi hết nợ gốc. Tuy nhiên, cho đến nay công ty SB không thực hiện việc thanh toán số tiền 800.000.000 đồng bán tài sản thuê cho nguyên đơn và cũng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán 10.000.000 (mười triệu) đồng/ tháng như cam kết. Như vậy số tiền nợ gốc còn lại cho đến nay là 2.154.143.538 đồng.

Tại Điều 6 của Hợp đồng cho thuê tài chính số: 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011, giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận: Kỳ hạn trả nợ gốc là 03 tháng 01 lần. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty SB đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc theo kỳ hạn. Hơn nữa, đến nay thời hạn thuê đã hết theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng cho thuê tài chính số: 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011 nhưng công ty SB không thanh toán hết nợ gốc cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận của hợp đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc còn lại là 2.154.143.538 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

** Về yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:*

Tại Điều 5 của Hợp đồng cho thuê tài chính số: 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011, các bên thỏa thuận lãi suất áp dụng là 17,5% trong 03 tháng đầu tiên. Từ tháng thứ tư trở đi sẽ áp dụng lãi suất thả nổi theo nguyên tắc lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiền gửi tổ chức có kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ công bố cộng 3.5% và được điều chỉnh 03 tháng/01 lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, người đại diện theo pháp luật của bị đơn xin không phải trả tiền lãi vì công ty không còn khả năng thanh toán. Tuy nhiên, cho đến phiên tòa ngày hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn không đồng ý và giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất là bắt đầu là 17.5%, sau đó giảm dần cho đến nay là 10.5 %, số tiền lãi trên số dư nợ gốc tính đến ngày 23/11/2020 là 4.648.278.556 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 1.403.325.077 đồng, lãi quá hạn: 3.244.953.479 đồng) là phù hợp với thỏa thuận của các bên và không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

** Đối với yêu cầu thu hồi tài sản cho thuê tài chính:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào năm 2014, công ty SB đã bán tài sản thuê tài chính là 01 dây chuyền nghiền sàng đá công suất 250 tấn/giờ cho công ty TH. Tuy nhiên, công ty SB lại không chứng minh được việc bán tài sản cho thuê đã được sự đồng ý của Công ty cho thuê tài chính. Mặc dù Công ty cho thuê tài chính cũng tạo điều kiện để công ty SB thanh toán lại tiền bán tài sản thuê tài

chính, nếu thanh toán đủ thì Công ty cho thuê tài chính sẽ tiến hành ký hợp đồng bán tài sản cho thuê cho công ty TH. Tuy nhiên, cho đến nay công ty SB chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 2.200.000.000 đồng và đã được công ty cho thuê tài chính trừ vào nợ gốc, cho đến nay công ty SB vẫn chưa thanh toán hết số tiền ba tỷ đồng tiền bán tài sản thuê mà còn nợ lại 800.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không thừa nhận việc đã đồng ý cho công ty SB xử lý tài sản thuê tài chính là bán cho công ty TH nên việc mua bán tài sản thuê tài chính là đây chuyển nhượng sàng đá công suất 250 tấn/giờ giữa công ty SB và công ty TH là không có hiệu lực pháp luật. Như vậy, tài sản cho thuê là đây chuyển nhượng sàng đá công suất 250 tấn/giờ vẫn thuộc quyền sở hữu của công ty cho thuê tài chính. Việc nguyên đơn yêu cầu thu hồi tài sản cho thuê để xử lý để thu hồi nợ là phù hợp với mục 13.5.1, Điều 13 của Hợp đồng cho thuê tài chính số: 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011 mà hai bên đã ký kết nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về hậu quả của việc mua bán tài sản thuê tài chính là đây chuyển nhượng sàng đá công suất 250 tấn/giờ giữa Công ty TNHH MTV TH và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại XNK SB nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu có phát sinh tranh chấp về việc mua bán tài sản cho thuê tài chính giữa Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại XNK SB và Công ty TNHH MTV TH thì các đương sự có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 360 của Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 113 của Luật các tổ chức tín dụng
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại XNK SB trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH SMT số tiền là 6.802.422.094 (sáu tỉ, tám trăm lẻ hai triệu, bốn trăm hai mươi hai ngàn, không trăm chín mươi bốn) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 2.154.143.538 (hai tỉ, một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm ba mươi tám) đồng, lãi là 4.648.278.556 (bốn tỉ, sáu trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi tám ngàn, năm trăm năm mươi sáu) đồng (bao gồm lãi trong hạn: 1.403.325.077 đồng, lãi quá hạn: 3.244.953.479 đồng)

Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại XNK SB trả lại tài sản thuê tài chính cho Công ty cho thuê tài chính TNHH SMT để bán tài sản thu hồi công nợ theo quy định là 01 dây chuyền nghiền sàng đá công suất 250t/h, với tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách như sau:

+ 01 bộ bàn rung cấp liệu, ngựa; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: 1100x4500mm, Tole đáy 25mm, Tole Vách 20mm;

+ 01 bộ Sắt xi rung, lò xo; nước sản xuất: Việt Nam, tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I350, U160, U200;

+ 01 cái máng chính chứa 15m³; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Tole vách 12mm, chống mòn 10mm, U160, U140;

+ 01 cái máng phụ, cách chứa 20m³; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Tole vách 12mm, chống mòn 10mm, U160, U140;

+ 01 cái máy nghiền hàm 250T/h; nước sản xuất: Nhật Bản; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Độ mở 1050x750mm, khe xả 80mm=>200mm;

+ 01 cái sắt xi hàm nghiền; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I500;

+ 02 cái sắt xi cone 1300, 1370; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I600;

+ 01 cái máy nghiền cone thô 1300; nước sản xuất: Đài Loan; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Tiếp nhận đá vào lớn nhất 250mm, khe xả 25->100mm;

+ 01 cái Thùng bơm mỡ cone thô 1300; nước sản xuất: Đài Loan; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Chứa 500 lít;

+ 01 cái máy nghiền cone tinh 1370; nước sản xuất: Đài Loan; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Tiếp nhận đá vào lớn nhất 100mm, khe xả 13->40mm;

+ 01 cái thùng bơm mỡ cone tinh 1370; nước sản xuất: Đài Loan; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Chứa 500 lít;

+ 01 cái sàng phân loại đá 2 tầng (1800x5000mm) & sắt xi; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Tole vách 10mm, tole máng 8mm, chống mòn 6mm, I300, U160;

+ 01 cái sàng phân loại đá 3 tầng (2200x7000mm) & sắt xi; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Tole vách 10mm, tole máng 8mm, chống mòn 6mm, I300, U160;

+ 17 m cần băng tải B1000; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I200, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 16mm;

+ 12 m cần băng tải B1000; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I200, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 16mm;

+ 10 m cần băng tải B1000; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I200, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 16mm;

+ 15 m cần băng tải B1000; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I200, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 16mm;

+ 15 m cần băng tải B1000; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I200, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 16mm;

+ 15 m cần băng tải B650; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I150, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 12mm;

+ 15 m cần băng tải B650; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I150, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 12mm;

+ 15 m cần băng tải B650; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I150, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 12mm;

+ 15 m cần băng tải B650; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I150, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 12mm;

+ 15 m cần băng tải B650; nước sản xuất: Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: I150, giá con lăn cách 0,8m, băng tải dày 12mm;

+ 01 bộ động cơ điện toàn bộ + hệ thống điều khiển điện + dây điện; nước sản xuất: Đài Loan; tiêu chuẩn kỹ thuật, vật liệu, quy cách: Đủ công suất cho máy.

Sau khi bán tài sản để thu hồi nợ, nếu số tiền bán tài sản không đủ thanh toán chi phí thanh lý tài sản, thanh toán nợ gốc và lãi của hợp đồng cho thuê tài chính số: 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011 thì Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại XNK SB phải tiếp tục thanh toán nợ gốc và nợ lãi còn thiếu cho Công ty cho thuê tài chính TNHH SMT và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/11/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng

hợp đồng cho thuê tài chính số: 009/2011/HĐCTTC ngày 27/01/2011. Lãi tính trên số dư nợ gốc.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 114.802.422 (một trăm mười bốn triệu, tám trăm lẻ hai ngàn, bốn trăm hai mươi hai) đồng, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại XNK SB chịu.

Công ty cho thuê tài chính TNHH SMT (được đổi tên từ công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại cổ phần VN) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Công ty cho thuê tài chính TNHH SMT (được đổi tên từ công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại cổ phần VN) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.738.325 (năm mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền số 09882 ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là mười lăm ngày: Đối với Công ty cho thuê tài chính TNHH SMT kể từ ngày tuyên án; đối với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại XNK SB và Công ty TNHH MTV TH tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**



Lê Thị Lan